

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

BẢNG ĐIỂM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 32
Hình thức đào tạo tập trung; Thời gian học từ ngày 29/05/2025 đến ngày 26/12/2025

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
1	Nông Việt Anh	7,50	7,25	7,75	7,75	8,00	7,75	7,50	7,25	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	8,50	7,83	7,69	Khá	
2	Phuong Đức Cường	8,00	8,50	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,50	8,75	8,25	8,07	Giỏi	
3	Bế Văn Cường	7,00	7,75	7,75	7,75	7,50	7,50	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,25	9,00	8,00	7,93	Khá	
4	Nguyễn Việt Đạt	7,25	7,75	7,50	7,00	8,00	7,25	7,50	7,75	7,25	8,25	8,00	7,25	8,25	8,50	7,83	7,71	Khá	
5	Bế Quốc Đạt	8,00	8,00	8,00	8,00	7,25	7,25	8,00	8,00	7,50	7,75	8,00	7,50	7,75	8,50	7,75	7,81	Khá	
6	Nông Văn Điệp	7,50	7,25	8,00	7,75	7,50	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,75	7,75	7,84	Khá	
7	Hoàng Quang Diệu	7,00	8,25	8,00	7,75	8,00	8,00	7,75	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	8,75	7,83	7,60	Khá	
8	Nguyễn Hữu Dự	7,00	7,75	7,50	7,75	7,00	7,50	7,50	7,00	7,25	7,75	7,75	7,50	7,75	8,75	7,83	7,69	Khá	
9	Hà Tiến Dũng	7,25	7,75	7,00	8,00	7,50	8,00	7,00	7,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,75	7,58	7,69	Khá	
10	Lương Thị Hà	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,50	8,00	9,00	8,00	8,07	Giỏi	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
11	Nông Văn Hải	8,00	8,25	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	8,00	8,25	9,00	8,00	8,03	Giỏi	
12	Hoàng Thị Hồng	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	9,00	8,25	8,03	Giỏi	
13	Nông Ngọc Huân	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,25	8,25	7,75	8,00	7,75	8,00	8,25	8,00	9,00	8,50	8,21	Giỏi	
14	Trương Việt Hùng	7,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,00	7,50	7,75	7,75	7,25	8,00	7,75	9,00	8,08	7,81	Khá	
15	Nguyễn Quang Huy	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	7,25	8,00	7,75	8,00	8,75	7,75	7,88	Khá	
16	Hoàng Hữu Huyền	8,00	8,50	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	9,00	8,25	8,12	Giỏi	
17	Bế Ích Khanh	8,00	7,75	7,50	8,25	8,25	8,00	8,25	7,75	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	9,00	8,08	8,04	Giỏi	
18	Dương Thị Lan	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,25	8,75	8,00	8,01	Giỏi	
19	Đàm Nhật Lệ	7,50	7,50	7,25	7,75	7,00	7,50	7,50	7,25	7,50	7,00	7,50	7,25	7,50	8,50	7,67	7,50	Khá	
20	Chu Văn Lịch	7,00	7,75	7,75	7,75	7,50	7,50	7,25	7,50	7,25	8,00	7,50	8,00	7,50	8,50	7,75	7,65	Khá	
21	Nông Ngọc Linh	6,75	8,25	8,25	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,50	7,92	7,93	Khá	
22	Nông Xuân Lộc	7,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,75	7,50	7,25	7,50	7,75	7,50	7,25	8,50	7,67	7,51	Khá	
23	Đinh Công Luyện	6,75	7,50	7,25	7,75	7,50	7,75	7,00	7,50	7,50	7,25	7,75	7,50	7,25	8,50	7,75	7,65	Khá	
24	Hoàng Diệu Ly	8,00	8,00	8,25	8,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,50	8,25	9,00	8,25	8,19	Giỏi	
25	Triệu Khánh Ly	7,00	8,25	8,00	8,25	8,00	8,25	8,00	8,00	8,50	8,25	8,00	8,50	8,50	9,00	8,25	8,19	Giỏi	
26	Dương Trọng Nam	8,00	8,00	8,00	7,75	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,50	8,15	Giỏi	
27	Dương Trọng Nam	8,00	8,00	8,00	7,75	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,18	Giỏi	
28	Đặng Phương Nam	8,00	7,75	8,00	8,25	8,00	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	8,25	8,25	8,00	9,00	8,25	8,13	Giỏi	
29	Hoàng Ích Nghiên	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,25	8,00	8,25	9,00	8,25	8,13	Giỏi	
29	Nông Đình Ngừ	7,00	8,00	7,75	7,00	7,00	7,75	7,75	7,50	7,50	7,25	7,00	7,50	8,00	8,75	7,75	7,59	Khá	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú	
30	Nông Thị Thúy Nhung	7,00	8,25	7,75	8,00	8,25	8,00	7,75	7,75	7,25	7,50	7,25	8,00	7,50	8,75	7,75	7,78	Khá		
31	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	7,50	8,25	8,25	7,75	7,75	7,50	8,00	8,00	7,50	8,00	7,50	8,25	8,00	8,50	7,92	7,91	Khá		
32	Nông Văn Quán	7,25	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	7,50	8,00	8,25	8,00	8,25	8,00	7,75	8,50	7,58	7,87	Khá		
33	Vũ Quang	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	9,00	7,92	8,00	Giỏi		
34	Phuong Thị Thanh Quỳnh	8,00	8,25	8,00	8,00	8,25	8,00	8,25	8,00	8,00	7,75	8,50	8,00	8,25	9,00	8,25	8,18	Giỏi		
35	Ngô Văn Sinh	7,75	7,25	8,00	8,25	7,75	7,50	7,75	7,75	7,50	7,50	7,50	7,50	8,00	9,00	7,58	7,53	Khá		
36	Hoàng Văn Sỹ	7,00	8,00	7,25	8,00	6,75	7,25	7,75	6,50	7,25	7,50	7,50	7,50	8,00	9,00	7,75	7,87	Khá		
37	Nông Thị Hồng Tâm	7,75	7,75	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	7,75	7,75	7,75	8,00	9,00	8,25	8,13	Giỏi		
38	Đào Thu Thảo	8,00	8,25	7,75	8,25	8,00	8,00	8,50	8,00	8,25	7,50	7,75	8,00	8,25	8,50	7,92	8,03	Giỏi		
39	Nông Thị Thoan	8,00	8,50	8,25	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,25	9,00	8,08	8,01	Giỏi		
40	Nông Thị Thùy	8,00	8,50	8,00	8,00	7,00	8,25	8,00	7,75	8,00	7,75	7,50	7,00	7,75	8,00	9,00	7,83	7,85	Khá	
41	Nguyễn Văn Thụy	7,50	8,00	8,25	8,00	7,75	7,75	7,75	8,00	7,75	7,50	7,00	7,75	8,00	9,00	7,83	7,84	Khá		
42	Lương Ngọc Tiến	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,25	7,75	8,00	8,25	8,75	8,17	8,01	Giỏi		
43	Nông Thị Trang	7,50	7,75	8,25	8,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,75	8,00	9,00	7,83	7,84	Khá		
44	Nông Đàm Trung	7,50	8,25	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	8,25	9,00	8,00	8,01	Giỏi		
45	Chu Viết Trung	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,25	8,25	8,00	7,50	7,25	7,00	7,25	7,50	8,50	7,75	7,53	Khá		
46	Đàm Minh Tuấn	7,00	7,50	7,00	8,00	7,25	7,25	7,75	7,50	7,50	7,75	7,00	7,25	7,50	8,00	7,67	7,68	Khá		
47	Hoàng Minh Tuấn	7,00	7,50	7,75	8,00	6,75	8,00	7,75	6,50	7,25	8,00	7,75	8,00	8,25	9,00	7,67	7,62	Khá		
48	Dương Anh Tuấn	7,00	7,25	7,75	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	7,00	7,50	7,00	7,50	8,00	8,75	7,50				

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
49	Trần Hồng Văn	7,50	8,00	8,00	8,25	7,50	7,50	7,75	8,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,75	9,00	7,83	7,78	Khá	
50	Nông Văn Vĩnh	7,50	8,00	8,00	8,25	8,00	7,75	8,25	8,00	7,50	7,25	8,00	8,00	8,00	8,50	7,92	7,93	Khá	
51	Vũ Thị Lan Hương	7,50	7,50	7,25	7,00	7,50	8,00	7,50	7,25	8,00	7,50	7,25	7,00	7,00	9,00	7,83	7,57	Khá	TCLLCT K31

Danh sách ấn định: 51 học viên, được xếp loại 51 học viên.

Tổng hợp xếp loại:

Giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 đến dưới 9,00: 20 học viên, bằng 39,2%.

Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 đến dưới 8,00: 31 học viên, bằng 60,8%.

GHI ĐIỂM



Nguyễn Thu Hằng

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆP TRƯỞNG




Trịnh Thị Ánh Hoa